CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/BC-HĐQT	*Cà Mau, ngày 27 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Chỉ tiêu	Nội dung
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Mã cổ phiếu	SBL
GCNĐKDN số	1900333973, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/7/2025
Vốn điều lệ	120.120.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.120.000.000 đồng
Địa chỉ	Lô B5, KCN Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
Điện thoại / Fax	0291 3780 781 / 0291 3780 567
Website	www.biasaigonbaclieu.com
Quá trình hình thành và phát triển	Ngày thành lập: 22/12/2006 Ngày đăng ký giao dịch: tháng 01/2017 tại sàn UpCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bia chai mang thương hiệu Bia Sài Gòn.

Địa bàn kinh doanh: Khu vực miền Tây Nam bộ (ĐBSCL).

Sản phẩm tiêu biểu: Bia Sài Gòn Lager chai 355ml.

3. Mô hình quản trị và tổ chức

Mô hình quản trị: Theo điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 (ĐHĐCĐ – HĐQT – Ban Kiểm soát – Giám đốc).

Cơ cấu bộ máy: Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Hành chính – Tổng hợp; Phòng Kỹ thuật – Chất lượng; Xưởng Nấu – Lên Men; Xưởng Động lực – Bảo trì; Xưởng Thành phẩm.

Công ty con / Liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu: Duy trì sản xuất ổn định, tối ưu hóa chi phí, đảm bảo sản lượng giao hàng theo kế hoạch SABECO và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Chiến lược trung – dài hạn: Tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất, đầu tư có chọn lọc vào thiết bị tiết kiệm năng lượng, tăng cường kết nối thương mại tại khu vực ĐBSCL.

Mục tiêu phát triển bền vững: Giảm phát thải khí nhà kính; tiết kiệm năng lượng điện, hơi, nước; đảm bảo quyền lợi người lao động; đóng góp ngân sách địa phương đầy đủ.

5. Các rủi ro chính

Rủi ro thị trường: Tiêu thụ bia khu vực tiếp tục sụt giảm do chính sách kiểm soát nồng độ cồn, cạnh tranh từ bia lon giá rẻ và nước giải khát thay thế.

Rủi ro sản xuất: Công suất khai thác chỉ đạt ~30% thiết kế, làm tăng chi phí đơn vị và giảm hiệu quả sử dụng máy móc.

Rủi ro môi trường: Yêu cầu ngày càng chặt chẽ về kiểm kê khí thải, đầu tư hệ thống giám sát môi trường làm tăng chi phí tuân thủ.

Rủi ro chính sách: Thay đổi thuế tiêu thụ đặc biệt đối với bia, các quy định quảng cáo đồ uống có cồn có thể ảnh hưởng kế hoạch dài hạn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả thực hiện kế hoạch 2025 (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	134.600.500.666	115.997.309.667	86,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	470.198.586	1.189.369.648	253,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	16.158.868	646.887.688	4.003,3%

Doanh thu thuần chỉ đạt 86,2% so với kế hoạch do sản lượng sản xuất thấp hơn mục tiêu. Tuy nhiên, nhờ tối ưu hóa chi phí, thanh lý (thu hồi ~3,5 tỷ đồng), tiết kiệm lãi vay qua chính sách ưu đãi SABECO và giãn thuế của Nhà nước, lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 2,5 lần.

b) So sánh với năm 2024 (ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 25/24
Doanh thu thuần	140.320	115.997	-17,3%
Lợi nhuận HĐKD	2.775	1.075	-61,3%
Lợi nhuận trước thuế	2.798	1.189	-57,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.935	647	-66,6%
EPS (đồng/cổ phiếu)	161	54	-66,5%

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2025 đều thấp hơn năm 2024. Doanh thu giảm 17,3% (từ 140,3 tỷ xuống 116,0 tỷ đồng); lợi nhuận sau thuế giảm 66,6% (từ 1,94 tỷ xuống 647 triệu đồng); EPS giảm từ 161 đồng/CP xuống 54 đồng/CP. Nguyên nhân chính là do:

- Thị trường tiêu thụ bia sụt giảm kéo dài do chính sách kiểm soát nồng độ cồn khi lái xe.

• Các sản phẩm bia lon giá rẻ và nước giải khát không cồn mở rộng thị phần nhanh, thu hẹp dư địa tiêu thụ bia chai của Công ty.

• Sản lượng chưa đạt điểm hòa vốn: Chi phí cố định (khấu hao, nhân công, năng lượng duy trì) phân bổ trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng cao khi chỉ khai thác ~30% công suất, khiến hoạt động SXKD chính bị lỗ 2,4 tỷ đồng.

• Lợi nhuận phụ thuộc vào thu nhập không thường xuyên: Phần lớn lợi nhuận dương đến từ lãi tiền gửi (2,7 tỷ) và thanh lý tài sản (chai, két, xe tải ~3,5 tỷ đồng) – mang tính một lần, không phản ánh hiệu quả SXKD cốt lõi và khó lặp lại ở quy mô tương đương trong các năm tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành theo phụ lục 1 đính kèm.

Trong năm 2025 không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành công ty.

Tổng số lao động cuối năm 2025: 86 người (giảm 1 người so với đầu năm 87 người).

Chính sách lương: Đảm bảo đầy đủ quyền lợi BHXH, BHYT, BHLĐ; khám sức khỏe định kỳ; phụ cấp độc hại.

Đào tạo: Huấn luyện an toàn lao động hằng năm; đào tạo nội bộ về cải tiến quy trình sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật.

3. Tình hình đầu tư năm 2025

STT	Hạng mục	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Thiết bị trao đổi nhiệt dịch nha (tiết kiệm điện, hơi)	304.980.000	Hoàn thành
2	Đầu dò kiểm soát xả khí không ngưng tự động – hệ thu hồi CO_2	149.973.753	Hoàn thành
3	Bộ trao đổi nhiệt hóa lỏng NH_3 hệ thu hồi CO_2	354.720.000	Hoàn thành
4	Kiểm kê khí nhà kính và kiểm toán năng lượng	93.000.000	Hoàn thành
	Tổng cộng	**902.673.753**	

4. Tình hình tài chính

a) Kết quả tài chính tổng hợp (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	257.239.335.114	223.268.566.406	-13,2%
Doanh thu thuần	140.320.358.640	115.997.309.667	-17,3%
Lợi nhuận gộp	13.552.118.961	12.595.154.603	-7,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.774.963.990	1.074.548.763	-61,3%
Lợi nhuận khác	23.150.571	114.820.885	+396,0%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	**2.798.114.561**	**1.189.369.648**	-57,5%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**1.935.274.811**	**646.887.688**	-66,6%
Tỷ lệ trả cổ tức	5% (500đ/CP)	Chưa phân phối	–

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,16	**1.53**	
Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH - HTK)/Nợ NH)	Lần	0,98	**1.34**	
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,46	**20.07**	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	39,79	**25.10**	
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	Vòng	9,67	**9.50**	
Vòng quay tổng tài sản (DTT/Tổng TS bình quân)	Vòng	0,56	**0.48**	
4. Khả năng sinh lời				
LN sau thuế / Doanh thu thuần (NPM)	%	1,38	**0.56**	
LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,04	**0.36**	
LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	0,77	**0.27**	
LN từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	1,98	**0.93**	

5. Cơ cấu cổ đông – Vốn chủ sở hữu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành: 12.012.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/CP.

Cổ phiếu quỹ: Không có.

Chứng khoán khác: Không có.

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 08/08/2025):

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
1.1	Cổ đông lớn (≥5%)	5.215.446	43,42%	
1.2	Cổ đông nhỏ (<5%)	6.796.554	56,58%	
2.1	Cổ đông tổ chức	2.402.400	20,00%	
2.2	Cổ đông cá nhân	9.609.600	80,00%	
3.1	Cổ đông trong nước	12.008.000	99,97%	
3.2	Cổ đông nước ngoài	4.000	0,03%	
	Tổng cộng	**12.012.000**	**100%**	

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu trong năm 2025: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh trong năm 2025.

Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo ESG – Tác động môi trường và xã hội

6.1. Tác động lên môi trường

a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

Phát thải GHG trực tiếp (Scope 1): Công ty không sử dụng nhiên liệu hóa thạch đốt trực tiếp trong sản xuất. Khí CO_2 phát sinh tự nhiên trong quá trình lên men bia được thu hồi toàn bộ qua hệ thống thu hồi CO_2 và tái sử dụng trong dây chuyền chiết bia, không phát thải ra môi trường.

Phát thải GHG gián tiếp (Scope 2): Phát sinh từ tiêu thụ điện năng mua từ lưới điện quốc gia (EVN). Năm 2025, định mức điện đạt 128,06 kWh/1.000 lít bia, giảm 0,33 kWh/1.000 lít so với năm 2024 (128,39 kWh/1.000 lít).

b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải GHG:

Đầu tư thiết bị trao đổi nhiệt dịch nha (305 triệu đồng) giúp tận dụng nhiệt thừa trong quá trình nấu, giảm tiêu thụ hơi và điện.

Lắp đầu dò kiểm soát xả khí không ngưng tự động trên hệ thống thu hồi CO_2 (150 triệu đồng), hạn chế rò rỉ khí và nâng cao hiệu suất thu hồi.

Thay thế bộ trao đổi nhiệt hóa lỏng NH_3 trên hệ thu hồi CO_2 (354,7 triệu đồng) giúp hệ thống vận hành hiệu quả, giảm tổn thất năng lượng.

Lập kế hoạch sản xuất đồng bộ với tiêu thụ, giảm thiểu thời gian chạy máy không tải; tắt thiết bị theo lịch trong các ca không sản xuất.

Hoàn thành kiểm kê khí nhà kính và kiểm toán năng lượng theo quy định pháp luật (chi phí 93 triệu đồng) – làm cơ sở xây dựng lộ trình giảm phát thải giai đoạn tiếp theo.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm chính năm 2025:

Nguyên liệu sản xuất bia gồm: malt đại mạch, hoa bia (houblon), men bia và nước – được kiểm soát chặt theo định mức kinh tế kỹ thuật do SABECO quy định. Năm 2025, sản lượng giao hàng đạt ~82,8% kế hoạch; tổng lượng NVL tiêu hao tương ứng với sản lượng thực tế.

Bao bì đóng gói: Chai thủy tinh 355ml và két nhựa được sử dụng theo hình thức vòng kín trong hệ thống SABECO – thu hồi từ thị trường, rửa và tái sử dụng nhiều lần. Các chai, két hư hỏng không còn khả năng tái sử dụng đã được thanh lý có kiểm soát.

b) Tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế sử dụng trong sản xuất:

CO_2 thu hồi từ quá trình lên men được tái sử dụng 100% trong công đoạn chiết bia thay thế CO_2 mua ngoài – đây là vật liệu tái chế nội bộ có giá trị kinh tế cao.

Nước dòng xả máy RO được thu hồi và tái sử dụng trong quá trình sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Loại năng lượng	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm
Điện năng (trực tiếp)	kWh/1.000 lít bia	128,39	128,06	-0,33
Hơi nước (trực tiếp)	kg/1.000 lít bia	285,59	264,81	-20,78

b) Năng lượng tiết kiệm được qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tiết kiệm điện: Nhờ đầu tư thiết bị trao đổi nhiệt dịch nha và điều chỉnh lịch vận hành máy nén lạnh, định mức điện giảm 0,33 kWh/1.000 lít bia so với 2024.

Tiết kiệm hơi: Nhờ nâng cấp hệ thống trao đổi nhiệt nước nha và cải tiến quy trình nấu, đồng bộ sản xuất để tận dụng nhiệt hơi từ quá trình đun sôi đã giúp định mức hơi giảm 20,78 kg/1.000 lít bia – mức giảm đáng kể so với năm 2024 (giảm 12,86 kg/1.000 lít).

Tối ưu lịch nấu – chiết đồng bộ, hạn chế chạy máy khi không có lịch sản xuất, tiết giảm điện và hơi duy trì.

c) Sáng kiến tiết kiệm năng lượng và ứng dụng năng lượng tái tạo:

Lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt dịch nha để thu hồi nhiệt thừa từ dịch nha sau đun sôi, giảm nhu cầu hơi cho công đoạn tiếp theo.

Kiểm soát tự động xả khí không ngưng trên hệ thống thu hồi CO_2, nâng cao hiệu suất hệ thống làm lạnh.

Năng lượng tái tạo: Công ty đang nghiên cứu và tìm phương án mới để triển khai hệ thống điện mặt trời mái nhà. Dự kiến triển khai đưa vào sử dụng trong năm 2026.

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước: Khai thác từ giếng khoan trong Khu Công nghiệp Trà Kha, tỉnh Cà Mau. Toàn bộ các công đoạn sử dụng nước đều được lắp đồng hồ đo đếm để kiểm soát hao phí theo định mức.

Định mức nước sản xuất năm là 3,45 m^3/1.000 lít bia.

Ngoài ra, Công ty thu hồi nước mưa từ mái nhà xưởng để sử dụng cho công đoạn làm mát thiết bị và vệ sinh sân bãi, giảm lượng nước ngầm khai thác.

b) Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nước dòng xả từ máy lọc RO được thu hồi và tái đưa vào quy trình sản xuất.

Nước thải sau xử lý (đạt tiêu chuẩn xả thải) được tái sử dụng để pha hóa chất keo tụ phục vụ công đoạn ép bùn, thay thế một phần nước ngầm sạch.

Công ty không có báo cáo xả thải vượt chuẩn trong năm 2025.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm môi trường:

Năm 2025: 0 lần. Công ty không bị xử phạt hành chính hoặc bị yêu cầu khắc phục hậu quả về môi trường.

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm môi trường:

Năm 2025: 0 đồng.

Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ kiểm kê khí nhà kính và kiểm toán năng lượng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động và mức lương trung bình:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Số lao động bình quân	87 người	86 người
Mức lương bình quân	13,6 triệu đồng/người/tháng	13,5 triệu đồng/người/tháng
Ngày nghỉ phép, lễ, tết	Theo Bộ luật Lao động	Theo Bộ luật Lao động

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

Bảo hiểm bắt buộc: 100% lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định.

An toàn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (BHLĐ) phù hợp từng vị trí; bồi dưỡng độc hại cho lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm.

Sức khỏe: Khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho toàn bộ lao động; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo yêu cầu SABECO.

Huấn luyện an toàn: Tổ chức huấn luyện PCCC, ATVSTP, sơ cấp cứu và an toàn hóa chất định kỳ theo quy định pháp luật.

Đảm bảo trả lương chờ việc cho người lao động trong các ngày Nhà máy dừng sản xuất do sản lượng thấp.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo bình quân: Ước tính 16 giờ/người/năm (bao gồm đào tạo an toàn lao động bắt buộc và đào tạo kỹ thuật nội bộ).

Chương trình đào tạo nội bộ: Huấn luyện vận hành thiết bị mới (thiết bị trao đổi nhiệt dịch nha, hệ thống đầu dò CO_2); đào tạo bảo trì tại chỗ nhằm giảm phụ thuộc vào dịch vụ thuê ngoài.

Phát triển kỹ năng: Tổ chức họp giao ban định kỳ, đánh giá hiệu suất và hướng dẫn cải tiến quy trình để nâng cao tay nghề và động viên tinh thần người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đóng góp ngân sách: Công ty hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách tỉnh Cà Mau, góp phần vào nguồn thu địa phương.

Tạo việc làm: Duy trì ổn định 87 lao động, ưu tiên tuyển dụng người địa phương tại tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận.

Hoạt động cộng đồng: Công ty trích nguồn kinh phí hỗ trợ các chương trình giáo dục, y tế và phát triển cộng đồng địa phương; tài trợ và tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao khu vực.

Phối hợp chính quyền: Duy trì hợp tác với chính quyền tỉnh Cà Mau trong các hoạt động tuyên truyền tiêu dùng sản phẩm hàng Việt Nam và tuân thủ quy định địa phương.

An toàn thực phẩm: Toàn bộ sản phẩm xuất xưởng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của SABECO và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động phát hành trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh hoặc các sản phẩm tài chính xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

Tuy nhiên, Công ty quan tâm theo dõi các chính sách và hướng dẫn liên quan đến thị trường vốn xanh. Các hoạt động đầu tư tiết kiệm năng lượng, kiểm soát phát thải và quản lý tài nguyên của Công ty trong năm 2025 là bước chuẩn bị nền tảng để có thể tiếp cận tài chính xanh trong tương lai.

Công ty sẽ tích cực tham gia các hoạt động thị trường vốn xanh khi có hướng dẫn cụ thể từ UBCKNN và khi điều kiện kinh doanh cho phép.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2025 đạt 116,0 tỷ đồng, giảm 17,3% so với 2024 (140,3 tỷ). Nguyên nhân chính là sản lượng giao hàng chỉ đạt ~82,8% kế hoạch, do thị trường tiêu thụ bia khu vực tiếp tục sụt giảm.

Về lợi nhuận: Mặc dù doanh thu thấp, lợi nhuận trước thuế đạt 1,19 tỷ đồng (vượt 2,5 lần kế hoạch) nhờ tăng thu tài chính (2,7 tỷ), thanh lý tài sản không cần thiết và tiết giảm chi phí sản xuất hiệu quả.

Hoạt động SXKD chính bị lỗ 2,4 tỷ đồng do sản lượng chưa đạt điểm hòa vốn. Lợi nhuận tổng thể dựa vào thu nhập tài chính và thanh lý tài sản.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Giảm định mức điện 0,33 kWh/1.000 lít, hơi 20,78 kg/1.000 lít; chi phí phụ tùng 1,8 tỷ đồng (104 đồng/1.000 lít); duy trì chất lượng theo chuẩn SABECO.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2024 (triệu đồng)	Tỷ trọng	31/12/2025 (triệu đồng)	Tỷ trọng	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	84.278	32,76%	67.123	30,07%	-20,4%
Tài sản dài hạn	172.961	67,24%	156.145	69,93%	-9,7%
Tổng tài sản	**257.239**	**100%**	**223.269**	**100%**	**-13,2%**

Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do giảm khoản phải thu (từ 13,0 tỷ xuống 2,6 tỷ) và hàng tồn kho (từ 13,4 tỷ xuống 8,4 tỷ).

Tiền và tương đương tiền ở mức 55,8 tỷ (trong đó 55,5 tỷ là tiền gửi có kỳ hạn) – thanh khoản cao, đảm bảo nghĩa vụ tài chính.

Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do khấu hao TSCĐ (16,8 tỷ đồng), không có đầu tư tài sản lớn.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2024 (triệu đồng)	Tỷ trọng	31/12/2025 (triệu đồng)	Tỷ trọng	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	72.605	99,17%	43.759	97,67%	-39,7%
Nợ dài hạn	610	0,83%	1.044	2,33%	+71,1%
Tổng nợ phải trả	**73.215**	**100%**	**44.803**	**100%**	**-38,8%**

Nợ ngắn hạn giảm mạnh 39,7% chủ yếu do vay ngắn hạn giảm từ 39,7 tỷ xuống 13,8 tỷ đồng – cải thiện rõ rệt áp lực trả nợ.

Không phát sinh thêm vay dài hạn mới. Nợ dài hạn là thuế TNDN hoãn lại phải trả.

Không có nợ quá hạn trong năm 2025.

3. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giảm định biên nhân sự từ 87 người (đầu năm) xuống 86 người, tối ưu hiệu quả lao động.

Áp dụng kế hoạch sản xuất đồng bộ với tiêu thụ để tiết kiệm năng lượng và giảm hao phí.

Triển khai chương trình hỗ trợ bán hàng quý 4 năm 2025 (1,33 tỷ đồng) phối hợp Công ty thương mại khu vực.

Tự thực hiện bảo trì bảo dưỡng thiết bị, không thuê ngoài; tiết giảm chi phí phụ tùng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (năm 2026)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ (KH26/TH25)
1	Doanh thu thuần	115.997.309.667	121.023.901.162	104,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.189.369.648	505.150.410	42,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	646.887.688	12.230.771	1,9%

Tiếp tục tối ưu hóa định mức kinh tế kỹ thuật, tiết giảm điện, hơi, nước.

Tìm giải pháp thay thế hợp đồng điện mặt trời không hiệu quả phù hợp quy định mới.

Phối hợp SABECO và công ty Thương mại khu vực triển khai các chương trình kích cầu tiêu thụ sản phẩm.

5. Đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội

Môi trường: Tiếp tục cải thiện định mức tiêu thụ điện, hơi và nước; không vi phạm quy định bảo vệ môi trường.

Lao động: Duy trì ổn định việc làm, đảm bảo chế độ phúc lợi đầy đủ cho 87 người lao động.

Cộng đồng: Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ; duy trì phối hợp chính quyền địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty năm 2025

HĐQT đánh giá Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu không lỗ trong bối cảnh cực kỳ khó khăn: sản lượng thấp, thị trường giảm, áp lực chi phí cố định cao.

Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 2,5 lần (1,19 tỷ đồng so với 470 triệu đồng kế hoạch) thể hiện điều hành linh hoạt và hiệu quả.

Về môi trường & xã hội: Công ty thực hiện đúng cam kết không vi phạm pháp luật môi trường; hoàn thành kiểm kê khí nhà kính; đảm bảo quyền lợi người lao động.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

BĐH thực hiện tốt các chỉ đạo của HĐQT, chủ động phối hợp SABECO và TM khu vực để tối ưu sản lượng giao hàng.

Áp dụng nhiều sáng kiến kỹ thuật hiệu quả trong quản trị sản xuất, tiết kiệm định mức và kiểm soát chất lượng.

Quản lý tốt tài chính: giảm vay ngắn hạn 25,9 tỷ đồng, tăng thu tài chính, giảm chi phí lãi vay.

3. Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2026

Tiếp tục giám sát chặt kế hoạch sản xuất – kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Tìm giải pháp năng lượng tái tạo khả thi.

Giám sát triển khai các hạng mục đầu tư, sửa chữa thiết bị và nhà xưởng theo kế hoạch.

Tăng cường minh bạch thông tin, tuân thủ quy định về quản trị công ty và công bố thông tin.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT: *theo phụ lục 02 đính kèm*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của HĐQT năm 2025:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	CT HĐQT	5/5	100%	
2	Nguyễn Văn Đối	TV HĐQT	5/5	100%	
3	Trần Nguyên Trung	TV HĐQT	5/5	100%	
4	Phạm Hồng Minh	TV HĐQT	4/5	80%	Bận việc riêng
5	Nguyễn Xuân Hải	TV HĐQT	5/5	100%	

Số cuộc họp: 05

Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 12 lần

Tổng số nghị quyết/quyết định ban hành: 15 văn bản.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết Định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	25/02/2025	Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	20/03/2025	Thông qua nội dung họp HĐQT Quý 4 năm 2024	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	24/03/2025	Thông qua giao dịch giữa công ty và các bên liên quan	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	25/07/2025	Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng chi cổ tức năm 2024	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	21/10/2025	Thông qua nội dung họp HĐQT quý 3 năm 2025	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	09/12/2025	Thông qua việc xin cấp giới hạn tín dụng, vay vốn	100%
7	01/2025/QĐ-HĐQT	25/02/2025	Thanh lý két nhựa đỏ cho Satraco	100%

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết Định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	02/2025/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2025	100%
9	03/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025	100%
10	04/2025/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Thanh lý kết nhựa đỏ cho Satraco, xe tải lạnh	100%
11	05/2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư dây chuyền chiết lon	100%
12	06/2025/QĐ-HĐQT	24/10/2025	Thông qua các điều khoản hợp đồng với Công ty TNHH MK Solar	100%
13	07/2025/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2025	100%
14	08/2025/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2025 để bổ sung vào quỹ tiền lương năm 2026	100%
15	09/2025/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu BKS theo phụ lục 2 đính kèm

b) Hoạt động của BKS: BKS họp định kỳ hằng quý (04 lần), tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và Ban điều hành. BKS đã thẩm tra BCTC năm 2025 và đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Đánh giá: HĐQT và BĐH hoạt động đúng chức năng, tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (theo phụ lục 02 đính kèm)

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Nội dung chi tiết được nêu tại mục 30 của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu đã được công bố thông tin đúng quy định và đã đăng lên mục quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ website: www.biasaigonbaclieu.com vào ngày 20/03/2026.

Các giao dịch trên được thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 và Nghị quyết HĐQT thông qua.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của UBCKNN và HNX.

Các quyết định đầu tư và giao dịch quan trọng đều được HĐQT phê duyệt bằng văn bản.

Mặt hạn chế: Chưa thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; chưa có thành viên HĐQT độc lập theo chuẩn mực quản trị tiên tiến. Công ty sẽ xem xét cải thiện trong các năm tiếp theo.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán viên

Đơn vị kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Báo cáo kiểm toán số 25-01-00547-26-1.

Kiểm toán viên: Nguyễn Thùy Ninh (GCNHK số 4623-2023-007-1) và Nguyễn Anh Tuấn (GCNHK số 0436-2023-007-1).

Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Công ty chỉ lập Báo cáo tài chính riêng lẻ (không có công ty con). Báo cáo tài chính đã kiểm toán được đính kèm tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Địa chỉ công bố BCTC: Website công ty www.biasaigonbaclieu.com mục quan hệ cổ đông.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 1900333973 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
P.BẠC LIÊU - T.CÀ MAU

Phạm Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Sở GDCK Hà Nội;
- Cổ đông (website);
- Lưu HĐQT.

BIA SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
2026.03.29 09:55:34+07'00'

PHỤ LỤC 01

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc	-	-
2	Ông Huỳnh Vạn Đồng	Phó Giám đốc	-	-
3	Bà Trần Thị Chất	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban điều hành:

Ông Trịnh Công Vinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (ngành Quản trị Kinh doanh)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Huỳnh Vạn Đồng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ Khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Bạc Liêu

Bà Trần Thị Chất

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

PHỤ LỤC 2

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	607.464	5,06%
2	Nguyễn Văn Đổi	Thành viên HĐQT	181.896	1,51%
3	Trần Nguyên Trung	Thành viên HĐQT	0	00%
4	Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT	308.880	2,57%
5	Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT	205.920	1,71%

b. Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

STT	Thành viên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
2	Nguyễn Văn Đổi	Thành viên HĐQT	- TV HĐQT CTCP Địa ốc & Xây dựng SSG2 - TV HĐQT, Tổng Giám Đốc CTCP Xây Dựng & Thương Mại Sài Gòn 9
3	Trần Nguyên Trung	Thành viên HĐQT	- Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn - Kế toán trưởng Cty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn - Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng - TV BKS CTCP TM Bia Sài Gòn – Trung Tâm - TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây - TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi
4	Phạm Hồng Minh	TV HĐQT	- TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long - TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Bến Tre
5	Nguyễn Xuân Hải	TV HĐQT	- TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh

c. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2025: Không có.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

b. Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có.

3. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương (vnđ)	Tổng thù lao (vnđ)	Thưởng (vnđ)
Hội đồng quản trị					
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	CT HĐQT	-	216.000.000	
2	Nguyễn Văn Đồi	TV HĐQT	-	120.000.000	
3	Trần Nguyên Trung	TV HĐQT	-	84.000.000	
4	Phạm Hồng Minh	TV HĐQT	-	120.000.000	
5	Nguyễn Xuân Hải	TV HĐQT	-	120.000.000	
Ban điều hành					
1	Trịnh Công Vinh	Giám đốc	1.154.101.020	-	
2	Huỳnh Vạn Đồng	Phó Giám đốc	760.931.197	-	
3	Trần Thị Chất	Kế toán trưởng	762.111.378	-	
Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng Ban kiểm soát	-	96.000.000	
2	Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	
3	Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	